

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 677/NHNN-TCKT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

V/v Giao khoán kinh phí để mua
sắm thiết bị phục vụ công tác Hệ
thống QLV&HSCV chứa nội dung
bí mật nhà nước

Kính gửi:

- Văn phòng;
- Cục Phát hành và Kho quỹ;
- Cục Công nghệ thông tin;
- Chi cục Phát hành và Kho quỹ;
- Chi cục Công nghệ thông tin;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực.

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 1038/QĐ-NHNN ngày 25/5/2015 và phê duyệt của Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng tại Tờ trình số 42/TTr-TCKT3 ngày 27/01/2026 của Vụ Tài chính – Kế toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thông báo:

1. Giao danh mục và kinh phí khoán mua sắm công cụ, dụng cụ là các thiết bị đầu, cuối phục vụ công tác Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (QLVB&HSCV) chứa nội dung bí mật nhà nước cho các đơn vị theo danh mục tại Phụ lục đính kèm.

Thông số kỹ thuật của các thiết bị đáp ứng thông số kỹ thuật tại Công văn số 11863/VPCP-KSTT ngày 03/12/2025 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 3424/CNTT8 ngày 31/12/2025 của Cục Công nghệ thông tin.

2. Trong phạm vi kinh phí được giao khoán, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm sử dụng kinh phí và mua sắm các thiết bị theo quy định hiện hành của Nhà nước đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

NHNN thông báo để đơn vị biết, thực hiện. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng (để báo cáo);
- Vụ trưởng Vụ TCKT (để báo cáo);
- Văn phòng, Cục CNTT (để p/hợp);
- Lưu VP, TCKT3.NTAThư.

**TL. THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Đinh Thị Lan Hương

Phụ lục
DANH MỤC THIẾT BỊ VÀ KINH PHÍ KHOẢN GIAO CÁC ĐƠN VỊ NHNN
(Đính kèm Công văn số 11/NHNN-TCKT ngày 21/01/2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Chi mua sắm công cụ, dụng cụ										Chi phí quản lý công vụ	Tổng cộng		Ghi chú
		Máy tính (*)		Máy in		Máy quét tài liệu		Phần mềm Office (*)		Switch			Số lượng	Thành tiền	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	TỔNG CỘNG	270	7.020	165	1.485	41	492	279	3.906	37	226	130	792	13.259	
1	Cục CNTT	9	234	8	72	1	12	9	126	25	152	130	52	726	- chi phí đầu nối cáp quang: 130 triệu đồng.
2	Chi cục CNTT	3	78	2	18	1	12	3	42				9	150	
3	Cục PHKQ	8	208	7	63	1	12	8	112				24	395	
4	Chi cục PHKQ	5	130	3	27	1	12	5	70				14	239	
5	Chi nhánh KV1	14	364	9	81	1	12	14	196	4	24		42	677	
6	Chi nhánh KV2	16	416	13	117	1	12	16	224	3	20		49	789	
7	Chi nhánh KV3	8	208	7	63	1	12	8	112	1	6		25	401	
8	Chi nhánh KV4	12	312	6	54	1	12	12	168				31	546	
9	Chi nhánh KV5	7	182	6	54	1	12	7	98	1	6		22	352	
10	Chi nhánh KV6	4	104	3	27	1	12	4	56	1	6		13	205	
11	Chi nhánh KV7	6	156	1	9	1	12	6	84	1	6		15	267	
12	Chi nhánh KV8	5	130	4	36	1	12	5	70	1	6		16	254	
13	Chi nhánh KV9	2	52	0	-	0	-	2	28				4	80	
14	Chi nhánh KV10	11	286	7	63	1	12	12	168				31	529	
15	Chi nhánh KV11	4	104	1	9	1	12	4	56				10	181	
16	Chi nhánh KV12	7	182	7	63	1	12	7	98				22	355	
17	Chi nhánh KV13	7	182	4	36	1	12	7	98				19	328	
18	Chi nhánh KV14	8	208	8	72	1	12	8	112				25	404	

TT	Tên đơn vị	Chi mua sắm công cụ, dụng cụ										Chi phí quản lý công vụ	Tổng cộng		Ghi chú
		Máy tính (*)		Máy in		Máy quét tài liệu		Phần mềm Office (*)		Switch					
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		Số lượng	Thành tiền	
19	Chi nhánh KV15	5	130	2	18	1	12	5	70				13	230	
20	Văn phòng (tổng hợp)	129	3.354	67	603	23	276	137	1.918				356	6.151	
20.1	Văn phòng NHNN	17	442	12	108	1	12	17	238				47	800	
20.2	Vụ Tài chính - Kế toán	7	182	1	9	1	12	7	98				16	301	
20.3	Thanh tra NHNN	18	468	5	45	2	24	18	252				43	789	
20.4	Sở Giao dịch	6	156	1	9	1	12	6	84				14	261	
20.5	Vụ Tin dụng CNKT	7	182	6	54	1	12	7	98				21	346	
20.6	Cục Phòng chống rửa tiền	6	156	5	45	1	12	6	84				18	297	
20.7	Vụ Pháp chế	5	130	3	27	1	12	5	70				14	239	
20.8	Vụ Thanh toán	6	156	5	45	1	12	6	84				18	297	
20.9	Cục Quản lý ngoại hối	2	52	1	9	1	12	10	140				14	213	
20.10	Vụ Dự báo thống kê, ổn định tiền tệ, tài chính	8	208	4	36	1	12	8	112				21	368	
20.11	Cục An toàn hệ thống các TCTD	6	156	3	27	1	12	6	84				16	279	
20.12	Vụ Chính sách tiền tệ	14	364	6	54	2	24	14	196				36	638	
20.13	Vụ Tổ chức cán bộ	8	208	9	81	1	12	8	112				26	413	
20.14	Cục Quản lý giám sát TCTD	12	312	6	54	7	84	12	168				37	618	
20.15	Vụ Hợp tác quốc tế	7	182	0	-	1	12	7	98				15	292	

(*): Giá máy tính đã bao gồm hệ điều hành và ổ cứng SSD theo thông số kỹ thuật của Văn phòng Chính phủ và Cục CNTT hướng dẫn.

Phần mềm Office là phần mềm office LTSC 2024 standard hoặc tương đương, được sử dụng vĩnh viễn.